

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 39

Phẩm 4: NÓI VỀ NGHIỆP (PHẦN 7)

Luật nghi Biệt giải thoát từ đâu mà được? Lại từ đâu được hai luật nghi còn lại? Tụng nói:

*Từ tất cả, hai hiện
Được luật nghi cõi Dục
Từ căn bản hằng thời
Được tĩnh lự vô lậu.*

Luận nói: Luật nghi cõi Dục, nghĩa là biệt giải thoát, luật nghi này được xuất phát từ đạo nghiệp căn bản và từ phần gần trước, sau mà được.

Từ hai được, nghĩa là từ hai loại, tức tội tánh, tội già đối với hữu tình, phi hữu tình.

Về tội tánh đối với tình, nghĩa là về nghiệp sát v.v... giá, nghĩa là người nữ đồng ngủ v.v... chung trong nhà.

Về tội tánh đối với phi tình: Trộm của ngoài. Giá, nghĩa là đào xới đất, cắt cỏ sống v.v...

Từ hiện được. Nghĩa là từ uẩn, xứ, giới đời hiện tại được, không phải từ quá khứ, vị lai, do chuyển biến xứ hữu tình của luật nghi này, vì quá khứ, vị lai không phải là xứ của hữu tình.

Xứ hữu tình. Nghĩa là các hữu tình, chỗ cư trú, và chỗ dựa của các hữu tình. Uẩn, xứ, giới nội ở hiện tại: Tức là chỗ dựa của hữu tình. Ngoài: Gọi là chỗ cư ngụ của hữu tình, vì không phải quá khứ, vị lai.

Nếu được luật nghi tĩnh lự vô lậu, nên biết chỉ từ đạo nghiệp căn bản, vì trong định, chỉ có đạo nghiệp căn bản, không phải từ trước, sau, phần gần định mà được. Vì ở vị trí định chỉ có căn bản ở trong phần vị bất định, không có luật nghi này. Tội già được xuất phát từ số hữu tình, hai thứ luật nghi này còn không được, huống chi là tội già được xuất

phát từ phi tình?

Từ hằng thời: Nghĩa là từ uẩn, xứ, giới quá quá khứ, hiện tại tại, vị lai mà được, như với giới này vì đều có tâm. Do bất đồng ấy, nên tạo ra bốn luận chứng:

Có uẩn, xứ, giới từ hằng thời kia, chỉ được luật nghi biệt giải thoát, không phải hai thứ còn lại v.v...

Luận chứng thứ nhất: Nghĩa là từ phần gần trước, sau hiện đời và các tội già.

Luận chứng thứ hai: Nghĩa là từ đạo nghiệp căn bản quá khứ, vị lai.

Luận chứng thứ ba: Nghĩa là từ đạo nghiệp căn bản hiện đời.

Luận chứng thứ tư: Nghĩa là từ phần gần trước, sau quá khứ, vị lai.

Có thuyết nói: Không phải khi được luật nghi thiện, có thể có đạo ác nghiệp v.v... hiện đời, nên phải lập riêng văn của bốn luận chứng này, nghĩa là nên nói, có một loại pháp, đối với đạo nghiệp kia, chỉ được luật nghi biệt giải, không phải hai luật nghi, cho đến nói rộng.

Luận chứng thứ nhất: Nghĩa là ở hiện tại, được phần gần trước, sau và xa lìa tội già. Các luận chứng còn lại, tùy chúng thích hợp, đều nói như vậy, ở xứ của đạo nghiệp v.v... đặt để tiếng đạo nghiệp v.v... nên về nghĩa của bốn luận chứng trước cũng không có lỗi.

Do lý như thế, cũng chung cho cả việc phòng hộ, đạo nghiệp v.v... quá quá khứ, hiện tại tại không phải chỉ đề phòng vị lai, vì tiếng đạo nghiệp v.v... kia, nói chỗ nương tựa kia. Nếu khác với đây, thì chỉ nói phòng hộ luật nghi vị lai, vì chỉ có thể đề phòng tội vị lai không để cho khởi, không phải ngăn dứt quá quá khứ, hiện tại tại đã diệt, vì luật nghi đã sinh ở chỗ kia không có tác dụng đề phòng.

Các hữu tình được luật nghi, bất luật nghi, từ tất cả nhân của chi hữu tình đều bình đẳng hay không phải tất cả đều bình đẳng? Tướng của chúng ra sao? Tụng nói:

Luật từ các hữu tình

Chi nhân, nói bất định

Bất luật, từ tất cả

Hữu tình, chi, không nhân.

Luận nói: Luật nghi nhất định do điều phục ý ưa thiện duyên khắp hết thấy hữu tình mới được, không phải duyên phần ít vì tùy theo tâm ác. Nhân chi, chi không nhất định, nghĩa là đạo nghiệp. Vả lại, ở trong các luật nghi biệt giải, có từ tất cả chi, nghĩa là giới Bí-sô có từ bốn chi

được. Nghĩa là luật nghi khác thừa nhận nhân không đồng, lược có hai thứ:

1. Ba thứ thiện căn như vô tham v.v...
2. Tâm đẳng khởi hạ trung, thượng.

Căn cứ riêng nhân đầu tiên nói: Tất cả luật nghi, vì tất cả nhân nhất tâm có. Căn cứ ở nhân sau để nói tất cả luật nghi, đều do một nhân, phẩm hạ v.v... không cùng lúc khởi, vì như trước đã nói.

Trong đây, căn cứ ba nhân sau để nói: Hoặc có một loại người trụ luật nghi, được luật nghi đối với tất cả hữu tình. Không phải tất cả chi, không phải tất cả nhân, nghĩa là dùng tâm phẩm hạ, hoặc trung, hoặc thượng, để thọ giới Cận sự, Cận sách.

Hoặc có một loại người trụ luật nghi, được luật nghi đối với tất cả hữu tình, do tất cả chi, không phải tất cả nhân, nghĩa là dùng tâm phẩm hạ, hoặc trung, hoặc thượng, để thọ giới Bí-sô.

Hoặc có một loại người trụ luật nghi, đối với tất cả hữu tình được luật nghi, do tất cả chi và tất cả nhân, nghĩa là dùng ba tâm để thọ giới Cận sự, Cận sách, Bí-sô.

Hoặc có một loại người trụ luật nghi, đối với tất cả hữu tình được luật nghi, do tất cả nhân không phải tất cả chi, nghĩa là dùng ba tâm để thọ giới Cận sự, Cận trụ, Cận sách, không có ai không khắp các hữu tình được luật nghi.

Vì đã nói nhân, nên không phải ở một phần. Các hữu tình đã thọ luật nghi, thì tâm ác hoàn toàn dứt. Nay nên tư duy, lựa chọn: Đã được luật nghi thì đối với từ thân Phật, cho đến thân con kiến, có riêng khác không? Nếu có khác vì cõi không nhất định, nên đối với luật nghi mà các hữu tình đã được, lẽ ra phải có thêm, có bớt, nếu không có khác thì vì sao giết người phạm tội nặng hơn giết hữu tình khác, giết phi nhân, chỉ phạm ác thô, nếu giết bằng sinh, thì sẽ phạm tội đọa. Không phải thân, cảnh hữu tình, vì khác nhau, nên khiến giới đã thọ cũng có khác nhau. Tuy nhiên, việc phạt nghiệp tội vẫn có khác nhau, nên biết, chỉ do gia hạnh riêng, nên gia hạnh giết người với giết phi nhân, cho đến giết kiến, đều có khác nhau.

Vả lại, trong tội giết đồng cõi, đồng bộ, do gia hạnh nghiệp khác còn có khác nhau, như giết hương tượng bị tội nặng, nên giết muỗi, nhặng thì mắc tội ít, huống chi là gia hạnh đối với cõi khác có riêng? Trong tội của các bộ khác, mà không có nhẹ, nặng? Vì, nêu chung ý ưa thích mà kiến lập luật nghi, nghĩa là khắp với hữu tình không có khác nhau, khởi điều phục ý thiện, ưa cầu, được luật nghi, không phải đối với

một hữu tình ý ưa thích, không bỏ ác, mà có thể cầu được luật nghi biệt giải. Cho nên, được luật nghi không có khác nhau, vì người được luật nghi, tất nhiên không quán riêng về duyên, thời gian, nơi chốn xứ chi và Bồ-đặc-già-la, nghĩa là nhất định không tạo ra quán riêng như thế này: Đối với hữu tình tên đó, ta lia sát v.v... với giới của chi đó, ta quyết định có thể gìn giữ, với cõi phương đó, ta lia sát v.v... Ta chỉ ở đó trong thời gian một tháng v.v... trừ duyên chiến tranh, ta có khả năng lia sát v.v...

Người thọ như thế, không được luật nghi, chỉ được luật nghi tương tự với hạnh diệ. Thế nên, không có do thân của các hữu tình khác nhau, nên giới có khác nhau. Lại, đối với tự thân, không được luật nghi Biệt giải thuộc về đạo nghiệp căn bản. Chớ tư duy pháp v.v..., do mình sát hại, thành nghiệp tội thuộc về Vô gián v.v..., được quyền thuộc thâu nhiếp về lý không có ngăn dứt, nghĩa là lia tội v.v... khác của chúng đầu tiên. Lại sự thọ, luật nghi biệt giải này được, chung tất cả cảnh có thể và không thể. Không phải chỉ ở cảnh có thể, được luật nghi này, mà phải là khắp nơi hữu tình, khởi ý vui không có tổn hại, xúc não, vì không có phương riêng lẻ có thể được.

Nếu cho rằng không đúng, thì đối với người ngủ vùi v.v... đều không thể giết, nên không được luật nghi.

Nếu cho rằng người kia thức, được bản tâm đã, lại có thể giết, điều này lẽ ra cũng như vậy. Vì không phải đối tượng có thể, có khả năng chuyển đổi thành cảnh có thể, lại có thể giết.

Có thuyết nói: Nếu chỉ ở chủ thể thì luật nghi này nên có thêm bớt, vì cảnh, đối tượng có thể với không phải đối tượng có thể, vì hai loại hữu tình có chuyển đổi. Điều này không thành vấn nạn, vì khi cảnh chuyển đổi, không có luật nghi này, được nhân xả, nghĩa là cảnh nơi đối tượng có thể và không phải đối tượng có thể, về sau, chuyển đổi thành cảnh có thể, không thể, không có lý nào khiến cho hữu tình kia xả, được luật nghi. Nói chung là ở đối tượng có thể mà được luật nghi. Nếu phải muốn khiến cho cảnh không thể, có thể, có chuyển đổi, nên giới có xả, được, thì sẽ thành lỗi luật nghi có thêm bớt.

Há là có cổ vốn không mà sinh có, các hữu tình mãi mãi nhập vào vắng lặng. Do đó, nên có xả, đắc luật nghi, cũng không ngoài lỗi thêm bớt của giới trước.

Thế nên, thuyết trước nói, về lý không có lỗi. Lại không phải quá khứ, mỗi Như Lai và chúng sinh được hóa độ nhập viên tịch, nên Phật sau đối với chúng sinh kia không được luật nghi, có luật nghi sau giảm, luật nghi mất ở trước. Không phải đối với mỗi hữu tình đều nối tiếp

nhau khác, vì phát riêng được. Lại, vì chi giới của Phật trước sau đều bình đẳng, nghĩa là các luật nghi đều thuận theo vô tham v.v... vì nhân sai khác sinh chi loại riêng, mỗi chi loại đều có một vô biểu, gồm ở tất cả xứ hữu tình được.

Như thế, vô biểu đã không có phần nhỏ nhiệm, không thể phân tích thành ít, thành nhiều, sao lại nói có giảm sau, mất trước? Lại, tất cả Phật ở khắp hữu tình, đủ tất cả chi vô biểu của luật nghi, vì số chi bình đẳng, không có sai khác, nên không có giới của Phật sau giảm, ở trước mất.

Đã nói từ nhân của chi hữu tình kia được các luật nghi, được bất luật nghi, nhất định từ tất cả đạo nghiệp hữu tình, không có cảnh phần ít và chi không đủ. Bất luật nghi: Ở đây nhất định không do tất cả nhân đẳng tâm của phẩm hạ, vì không có đều cùng khởi.

Nếu có một loại do tâm phẩm hạ được bất luật nghi, về sau, vào lúc khác, do tâm phẩm thượng cắt đứt mạng sống chúng sinh, hữu tình kia chỉ thành tựu bất luật nghi phẩm hạ, cũng thành tựu biểu v.v... phẩm thượng sát sinh. Tâm phẩm trung, phẩm thượng, so với tâm phẩm hạ này, nên biết cũng như vậy.

Trong đây, nên tư duy về việc giết mổ dê v.v...

Có người chỉ thọ một được bất luật nghi, không nên nói cũng có người thọ một việc được.

Nếu như vậy, vì sao không có người từ tất cả nhân được bất luật nghi?

Như người được luật nghi, mặc dù ở trong biểu sai khác sát v.v... trước đã thọ một, sau lại thọ riêng, nhưng bất luật nghi không phải lại mới được, nghĩa là trước đều đối với tất cả hữu tình, khởi không ngăn dứt, ý ưa thích tổn hại, vì nuôi sống, nên thọ bất luật nghi. Người ấy đến thời nay, đâu có được lại? Nên bất luật nghi này không có từ tất cả nhân. Nhưng trong luật nghi có từ Cận sự thọ giới Cận sách. Cận sách lại thọ luật nghi Bí-sô. Mỗi mỗi riêng thọ thời hạn đạo nghiệp đã thọ, vì quyền thuộc khác, nên tùy theo kỳ hạn phải khác mà được trước kia chưa được.

Do đó có thể được từ tất cả nhân.

Hỏi: Trong đây, sao gọi là người bất luật nghi?

Đáp: Nghĩa các người giết mổ dê, gà, heo, người bắt chim, bắt cá, thợ săn thú, cướp trộm, làm nem thịt, cai ngục, ràng buộc rồng, nấu thịt chó, săn hổ v.v... những loại nói năng, gièm pha, chê bai, đâm thọc, rình mò, kẻ vạch lỗi người, hí hửng nói sự sai quấy của người khác, đeo

đuổi mong cầu phi pháp để nuôi mạng, và người bị vua theo đúng pháp phạt tội đánh quan v.v... chỉ thường có tâm hãm hại, gọi là người bất luật nghi.

Do chủng loại như thế, trụ bất luật nghi, vì có bất luật nghi, nên làm bất luật nghi, vì khéo làm bất luật nghi, vì thường tập bất luật nghi, nên gọi là người bất luật nghi.

Nói kẻ giết dê, nghĩa là nuôi mạng cần kỳ hạn suốt đời thường muốn hại dê, các nghề nghiệp khác tùy theo bất luật nghi thích hợp, nên biết cũng thế.

Các người giết mổ dê, chỉ có tâm tổn hại đối với các dê, không phải đối với các loại khác, đâu thể đối với tất cả được bất luật nghi, khắp ở cõi hữu tình được các luật nghi?! Lý ấy có thể như thế.

Do muốn lợi lạc khắp A-thế-da thù thắng mà vì thọ được, nên không phải người bất luật nghi giết dê v.v... mà đối với người chí thân của mình, có ý tổn hại, cho đến vì duyên nuôi sống bản thân, cũng không muốn giết. Làm sao có thể nói là khắp tất cả được bất luật nghi?! Điều này cũng có thể hợp lý.

Người bất luật nghi, vì ưa hủy hoại ý thiện đối với khắp cảnh hữu tình, dù không có lý này, nhưng giả nói rằng: Nếu các hữu tình và cha mẹ v.v... tất cả đều làm hình tượng dê hiện ở trước, kẻ giết dê duyên khắp đều có ý hại, nghĩa là kẻ giết dê kia đã huân tập lâu ngày tâm bất luật nghi, thậm chí kể cả người thân của mình, cũng không đoái hoài tới, chỉ vì nuôi mạng sống, nếu người chí thân của mình biến thành dê, còn ý có hại, hưởng chi sau khi qua đời, thật sự thọ thân dê, mà đối với họ, có thể không có ý giết hại hay sao ?

Kẻ ưa bất luật nghi, lúc thọ giới ác, tất nhiên đã khởi ý ưa hung ác như thế. Nếu thân cha, mẹ v.v... tức là dê, ta cũng sẽ giết, hưởng chi sinh loại khác. Do ý ưa thích này mà được bất luật nghi. Khác với đây, chỉ nên được tội ở giữa. (Phi luật nghi, phi bất luật nghi) do đó, dù hiểu rõ người thân của mình hiện không phải dê, nhưng cũng vẫn có tâm hãm hại. Cho nên, khắp được giới ác mặc dù không có bậc Thánh sẽ làm thân dê, nhưng vì đồng với chí thân, cũng có ý hại.

Ở đây, Kinh chủ so sánh thế này: Nếu quán sát tự thể của dê v.v... đối với người thân v.v... trong hiện tại, được bất luật nghi, dê v.v... ở vị lai, có thể của người thân v.v... đã đối với thể của người thân kia, không có tâm tổn hại, thì nên quán thể chí thân v.v... ở vị lai, dê v.v... ở hiện tại, không được giới ác.

So sánh như thế v.v... về lý không bình đẳng, vì không có ý ưa

thiện, nên có ưa ý ác, nghĩa là khi người giết dê kia đang thọ bất luật nghi, không có chánh tư duy, điều phục ý ưa thiện, ta sẽ không hại tất cả hữu tình, mà có ý ưa hung ác, tư duy tà, ta sẽ hại khắp tất cả hữu tình. Về sự, dù phải giết dê, nhưng tâm rộng khắp. Thế nên, chấp nhận có quán sát dê vị lai, đối với người thân, bậc Thánh hiện tại, cũng phát giới ác, không phải quán bậc Thánh đời vị lai và chí thân, đối với thân dê hiện tại, không phát giới ác, hoặc không nhọc sức tranh cãi, về lý, nên đồng thừa nhận. Vả lại, như có người thọ giết mổ dê, dù trong một đời, không cho, không lấy, đối với thê thiếp của mình, trụ tâm biết vừa đủ, nhưng vì câm không nói được, nên không có bốn lỗi của ngữ, mà nhân dê hủy hoại A-thế-da (chủng tử) thiện, được đủ bảy chi tội bất luật nghi.

Như thế, đối với người chí thân v.v... dù không có tâm hại, nhưng A-thế-da thiện, vì dê hoại, nên khắp cõi hữu tình được bất luật nghi. Hoặc như trước kia trogn một thời gian thọ học xứ thiện, về sau, không hoàn toàn tổn hoại A-thế-da thiện. Do gặp duyên riêng, chỉ thọ sát hại được tội ở giữa phi bất luật nghi. Chỉ được bất luật nghi tất nhiên phải hoàn toàn tổn hại A-thế-da thiện, nên được đủ bảy chi.

Các sư Kinh bộ đối với điều này, hẹp hòi chấp, tùy theo kỳ hạn, chi đủ, không đủ toàn phần, một phần đều được bất luật nghi, luật nghi cũng như vậy, chỉ trừ tám giới. Do tùy theo ở tánh tướng Thi-la thiện, ác của lượng luật nghi kia trái nhau ngăn dứt lẫn nhau.

Nếu vậy, thì người thọ bất luật nghi, cũng gọi Cận sự, nên các Cận sự cũng được gọi là người bất luật nghi?

Sao lại phải như thế? Về lý, vì ép ngặt nên như thế. Nghĩa là người giết dê, lập lời thệ thế này: Ta vì mạng sống, nên dù thọ giết dê, nhưng thọ lia không cho mà lấy khác v.v.... Hoặc các Cận sự nói lên lời thề: Ta nhất định thọ trì ngoài giới sát sinh, vì nuôi mạng sống, nên chỉ thọ giới trộm v.v...

Không có lý như thế, hai A-thế-da trong một nối tiếp nhau, vì trái nhau, nên về lý như thế. Vì sao? Vì người bất luật nghi nếu A-thế-da hư hoại ở chỗ này thì chỉ ở chỗ này, chớ có luật nghi, Cận sự cũng như thế. Nếu ở chỗ này A-thế-da không hư hoại thì chỉ ở chỗ này, chớ có bất luật nghi. Thừa nhận thuận theo tánh tướng Thi-la thiện, ác của lượng bất luật nghi kia, trái nhau, vì ngăn dứt lẫn nhau.

Nếu mỗi chỗ được bất luật nghi, thì có thể ngăn dứt chung tất cả giới thiện và mỗi một chỗ được luật nghi thiện tức có thể ngăn dứt chung tất cả giới ác. Thế nên, không có người bất luật nghi, cũng gọi

Cận sự và không có Cận sự cũng được gọi người bất luật nghi. Điều này cũng phi lý, vì trái với thuyết trước. Mặc dù người giết dê, vì muốn nuôi mạng sống chỉ thọ nghiệp giết, nhưng vì ý ưa hủy hoại đối với hữu tình, cũng nên thành tựu các bất luật nghi không cho mà lấy v.v...

Do lý đó, nên người lia trộm cắp v.v... cũng nên ngăn dứt được bất luật nghi sát. Nếu như ý ông cho rằng các người giết dê, đối với vật v.v... của người khác, ý ưa không hủy hoại, không nên được bất luật nghi kia.

Há là cũng người lia trộm cắp v.v... đã có hủy hoại ý ưa thích về dê, không nên ngăn dứt bất luật nghi sát!

Như thế, trở lại sẽ không tránh khỏi lỗi trước. Nếu ở chỗ này có ý ưa thích thiện, tức ở chỗ này, chỉ được Thi-la thiện và ở chỗ này, có ý ưa thích ác, tức ở chỗ này chỉ được Thi-la ác, thì không lẽ thừa nhận do thuận theo Thi-la thiện, ác của lượng bất luật nghi kia ngăn dứt lẫn nhau.

Đây là biểu thị thọ Thi-la thiện, ác, vì không phải mỗi chi biến khắp khả năng ngăn dứt.

Nếu ý ông cho rằng: Như luật nghi thiện có chi không đủ thì bất luật nghi này cũng nên như thế. Nghĩa là như có người thọ luật nghi Cận sự, Cận trụ, Cận sách, dù không đủ chi, nhưng cũng vẫn được giới thuộc chi thiếu kia, thọ bất luật nghi lẽ ra cũng như thế.

Đây là so sánh không phải bình đẳng dụng công, không dụng công của luật nghi, bất luật nghi mà được có khác. Nghĩa là các giới thiện phải nhờ dụng công, A-thế-da thiện mới có thể thọ được. Vì khó được, nên về lý thường tất nhiên không phải thọ một thời, đều được tất cả. Nếu các giới ác thì không nhờ dụng công A-thế-da ác, bèn có thể thọ được, vì không phải khó được, nên về lý, thường tất nhiên tùy theo thọ một lúc, đều được tất cả, vì ở cõi Dục, sức bất thiện mạnh, A-thế-da ác tùy tiện sanh khởi, tạo các ác nặng, không chờ đợi dụng công, A-thế-da thiện vì dễ hủy hoại. Tùy theo thọ một thứ, đều được pháp khác, thiện thì không như vậy, nên so sánh không bình đẳng.

Hiện thấy cỏ dơ không dụng công mà mọc, phải thi công siêng năng, khó nhọc, thì mầm tốt mới khởi. Lại, như có người thọ bất luật nghi, tạo ra thời gian này: Suốt đời tôi, mỗi ngày, hoặc đêm, nửa tháng, một tháng v.v... một lần giết mổ dê v.v... cũng được bất luật nghi, vì bất luật nghi dễ thọ được, vì ở cõi Dục, sức bất thiện rất mạnh, dù không thường làm nhưng vẫn được giới ác.

Các hữu tình muốn thọ luật nghi xuất gia, nếu tạo nên kỳ hạn cần

thiết: Suốt đời tôi, mỗi ngày, hoặc đêm, nửa tháng, một tháng v.v... một lần lìa sát v.v... sẽ không được luật nghi thiện, do luật nghi thiện khó thọ được, vì sức pháp thiện ở cõi Dục rất yếu kém. Nếu không thường quý trọng gìn giữ, thì sẽ không được giới thiện, luật nghi này cũng như vậy, vì so sánh không bình đẳng, nên các sư kinh bộ đã tránh lỗi không có căn, trái lại rơi trong lỗi khó cứu vớt. Người hiểu biết nên tưởng tượng không có so sánh lấy, bỏ.

Đã nói từ hữu tình kia được bất luật nghi, được bất luật nghi và vô biểu khác, phương tiện chưa nói, sẽ nói như thế nào? Tụng nói:

Được các bất luật nghi

Do làm và thề thọ

Được chỗ vô biểu khác

Do ruộng, thọ trọng hành.

Luận nói: Người bất luật nghi, gồm có hai hạng:

1. Sinh ở nhà bất luật nghi.
2. Sinh vào nhà khác, về sau thọ nghiệp này.

Các hữu sinh ở nhà bất luật nghi, nếu đầu tiên, hiện hành gia hạnh sát v.v... người ấy do làm mà được bất luật nghi. Nếu sau khi sinh vào nhà khác về sau mới lập lời thề, là: Ta sẽ tạo nên sự việc như thế, để mưu cầu tài vật nuôi sống thân mình.

Ngay từ giờ phút đầu tiên lập lời thề, nên đã phát ra giới ác, người này do thọ được bất luật nghi.

Do ba thứ nhân được vô biểu khác. Vô biểu khác nghĩa là thuộc về ở giữa tức phi luật nghi, phi bất luật nghi. Do ba nhân:

1. Do ruộng: Nghĩa là ở chỗ ruộng có đức như đây. Đầu tiên, thí cho vườn rừng v.v... thiện vô biểu bên sinh, như nói: Có dựa vào các sự nghiệp phước.

2. Do thọ: Nghĩa là tự đặt ra thời gian cần thiết, nói: Kể từ hôm nay, nếu ta không cúng dường Phật và tăng chúng thì sẽ không ăn trước v.v... Hoặc lập hạn định lời thề vào những ngày trai trong nửa tháng, tháng và năm, thường thí cho thức ăn v.v... do đó, có thiện vô biểu nối tiếp nhau sinh.

3. Do trọng hành: Nghĩa là khởi tác ý nặng nhiều mà làm thiện, làm ác như thế. Nghĩa là niềm tin thuần tịnh, hoặc sự ràng buộc mạnh mẽ, nhạy bén. Lúc tạo ra việc thiện, ác, có thể phát vô biểu, nối tiếp nhau trong suốt thời gian dài, cho đến có thể lực ràng buộc niềm tin trọn đời, như trước đã nói.

Như thế, đã nói được luật nghi v.v... Về xả luật nghi v.v... nay, kế

sẽ nói:

Vả lại, thế nào là xả luật nghi biệt giải? Tụng nói:

*Xả biệt giải điều phục
Do cố xả qua đời
Và hai hình câu sinh
Dứt thiện căn, đê mê hết
Có thuyết: do phạm trọng
Thuyết khác do pháp diệt
Thuyết Ca-thấp-di-la
Phạm hai như thiếu nợ.*

Luận nói: Tiếng “điều phục” biểu thị tên khác của luật nghi, do luật nghi này, có công năng khiến điều phục căn. Do năm duyên xả luật nghi biệt giải:

1. Do cố ý xả: Nghĩa là đối với luật nghi, do A-thế-da không có tâm hân hoan, kính mến. Vì xả học xứ, đối với người có hiểu biết, phát khởi sự khác nhau của nghiệp biểu trái nhau, không phải chỉ do khởi tâm xả học xứ, như được luật nghi, tâm không có khả năng. Lại, vì xả ở trong mộng không thành, không phải chỉ do khởi nghiệp biểu khác nhau, mà vì xả khi phẫn nộ, bệnh ghê ngứa, cuồng loạn v.v... thì không thành, không phải chỉ do hai đối bằng sinh v.v... vì khởi tâm phát biểu xả không thành.

2. Do qua đời: Nghĩa là do thế thế tăng thượng của chúng phần đồng được luật nghi.

3. Do y chỉ hai hình câu sinh: Nghĩa là khi thân biến đổi, thì tâm biến đổi theo. Lại, hai hình nghĩa là không phải tăng thượng.

4. Do đoạn diệt nhân thiện căn: Nghĩa là tâm cùng khởi đoạn nghiệp biểu, vô biểu, là nghĩa đoạn nhân duyên luật nghi này.

Xả giới suốt đời, do bốn duyên trên.

Luật nghi Cận trụ, cũng do đê mê hết, nghĩa là giới Cận trụ do bốn duyên trên và đê mê hết, xả quá kỳ hạn .

Đê mê hết, nghĩa là khi mặt trời xuất hiện. Các quĩ phạm sư phần nhiều thừa nhận chung năm thứ duyên xả luật nghi như thế.

Có sư bộ khác chấp: Tùy theo phạm một, chiêu cảm rơi vào tội trọng xả giới xuất gia.

Có bộ khác chấp: Vào thời kỳ chánh pháp diệt, luật nghi biệt giải thoát đều có xả, vì các học xứ, kết giới, yết ma, tất cả Thánh giáo đều dứt diệt. Bấy giờ, dù không có được, chưa được luật nghi, mà trước đó đã được luật nghi, không có nghĩa xả.

Sư Tỳ-bà-sa nước Ca-thấp-di-la chứa đựng lý giáo nơi tâm nói như thế này: Không phải khi phạm bất cứ một tội căn bản nào thì tất cả luật nghi đều có nghĩa xả. Nhưng người phạm tội trọng, có hai tên gọi:

1. Gọi là cụ Thi-la.
2. Gọi là người phạm giới.

Nếu người đã phạm, có thể ăn năn phát lộ. Sự ăn năn, chỉ được gọi Cụ giới, như người có cửa, khi mắc nợ người khác, gọi là người giàu và người mắc nợ. Nếu đã trả nợ rồi chỉ gọi là người giàu. Người phạm tội trọng ở đây, cũng nên như thế, không phải xả giới.

Do lý giáo nào chứa ở trong tâm?

Nói về chánh lý đã chứa trong tâm, nghĩa là như thọ mỗi một giới không phải được khắp luật nghi, nên khi phạm một không phải xả khắp tất cả, vốn ở tất cả xứ hữu tình được thọ luật nghi, không nên như thời nay, đối với phạm một tội, bèn xả tất cả. Nếu ý ông cho: Luật nghi xuất gia, tất nhiên không có nghĩa thọ riêng, lại được riêng, sao có thể nói như không phải thọ riêng, khắp được luật nghi. Lẽ ra không phạm, xả khắp tất cả, nên so sánh không phải bình đẳng?

Lời vặn hỏi này không đúng, vì tự thừa nhận, nghĩa là ông cũng thừa nhận luật nghi tại gia không phải phạm tội căn bản nên xả tất cả. Hoặc ông tự thừa nhận, luật nghi biệt giải thoát tùy theo khi thọ riêng, lại được ngân ấy.

Như thế, nên thừa nhận khi phạm luật nghi, tùy theo xả giới đã phạm, không phải xả tất cả. Và lại, giới đã thọ có cực thành này, không phải khi phạm một, liền xả tất cả. Bí-sô, Cần sách theo lý, cũng nên như thế. Nếu khi phạm giới trọng, không chấp nhận đều xả, hoặc trước đã nói.

Hỏi: Trước đã nói là sao?

Đáp: Nghĩa là thiếu luật nghi, nếu gọi Cận sự, thì thiếu luật nghi, Bí-sô, Cần sách, cũng phải thành, nên không có Cận sự thiếu luật nghi, nghĩa là như Cận sự kia phạm riêng, thì không phải xả tất cả. Bí-sô, Cần sách, so sánh cũng nên như thế. Hoặc ở trong đây, có lý thú gì đối với bốn tội trọng, tùy theo phạm một lúc thì luật nghi xuất gia, tất cả đều xả tức khắc, không phải đối với ba thứ có ý thiện ưa thích, cho đến vì duyên cứu giúp thân mạng mình, cũng không muốn phạm, không phải xả tất cả. Như tông của ông nói được bất luật nghi.

Nếu vậy, vì sao đấng Bạc-già-phạm nói: Người phạm bốn giới trọng, không gọi Bí-sô, không gọi Sa-môn, không phải là Thích tử, là phá thể Bí-sô, hại tánh Sa-môn. Làm hoại diệt, đọa lạc, đặt tên vượt

hơn của người khác và căn cứ ở Bí-sô Thắng nghĩa, với mật ý nên Phật nói như thế. Vả lại, ông nên nói: Vì sao phạm giới trọng nên xả tất cả, không phải phạm giới khác. Vì phạm giới khác, có thể ăn năn dứt trừ. Nếu như phạm tội khác, khi chưa ăn năn chừa bỏ, thì không mất tánh Bí-sô?!

Ăn năn dứt trừ, sẽ được lợi ích gì? Lại mong cầu lợi ích gì?

Ở đây, khiến cho tánh Bí-sô không thiếu sót, thất thoát, không hư hoại, không xen lẫn.

Có thể khiến thành công đức gì như thế?

Nếu khiến như thế, thì sẽ được sinh lên cõi trời.

Nếu vậy, chư thiên đối với người giữ giới rất có thể cúng dường. Người chấp giữ Thi-la không có trái phạm, vì chuyên cầu sinh lên cõi trời kia. Tuy nhiên, không phải Thánh giáo chuyên sinh lên cõi trời. Nay, khiến Bí-sô v.v... vì giữ giới thanh tịnh, nên không phải người ăn năn, chỉ vì sinh lên cõi trời.

Đã như thế, nên nói không phải người phạm giới, có khả năng hiện chứng công đức xuất thế, nên ăn năn dứt trừ khác hẳn với không ăn năn dứt trừ.

Há đối với công đức xuất thế, có thể ăn năn dứt trừ tội và khi chưa ăn năn dứt trừ, người kia cũng không phải hoàn toàn phá thể Bí-sô.

Vì sao không thừa nhận Bí-sô phạm trọng! Vì phạm không thể dứt trừ tội vượt hơn khác, mặc dù cũng thành tựu các luật nghi còn lại, nhưng đối với công đức xuất thế, không phải pháp khí trọn vẹn, nên Đức Thế Tôn nói: Không phải Bí-sô.

Lại có thể dứt trừ tội khi chưa ăn năn chừa bỏ, làm sao có tánh Bí-sô khác?

Vì Bí-sô kia đối với việc nhập chánh tánh ly sinh và tất cả công đức vô lậu khác, đều có thể làm chướng ngại, cho đến vì tu quán bất tịnh v.v... còn không thể khiến tâm trụ một cảnh, hướng chi có thể thành tựu?

Nếu loại như thế, có tự thể của Bí-sô, thì sẽ tự quy lễ. Bí-sô như thế có khác gì với người phạm tội trọng. Vì thế, nên thừa nhận Bí-sô phạm giới trọng như nói: Không có con, có thể làm con, nói không phải là con, đối với không có người, dùng người, nói không phải người. Đối với người không có hình nam, nói không phải nam v.v... Đối với việc Bí-sô đã không thể thành, dù có luật nghi khác mà nói không phải Bí-sô v.v.... Đức Phật nói như thế, về nghĩa đâu có trái?

Không phải chỉ vâng giữ giới Biệt giải thoát, đối với Thánh giáo

của Phật ít có được thành. Do luật nghi này chiêu cảm quả hữu. Như ý chư Phật ghét trái với quả hữu. giữ giới không thiếu, còn chưa hợp tình, huống chi người phạm trọng mà có thể làm vừa ý Phật ư? Vì trái với ý Phật, như con trái ý cha, vì thế mọi sự nghiệp đều không xứng đáng với sự mong mỏi xưa kia. Do đó, nên nói: Không phải Bí-sô.

Lời nói này không phải chứng minh cho nguyên nhân xả luật nghi. Sư Tỳ-bà-sa lấy lý như thế tức chứa ở tâm, đầu tiên phán quyết lời này: Căn cứ Bí-sô Thắng nghĩa, mật ý nói như thế: Trong đây, Kinh chủ thuyết như thế này: Lời này rất hung dữ. Hung dữ là sao? Nghĩa là đối với liễu nghĩa Đức Thế Tôn nói, vì dùng nghĩa riêng để giải thích, khiến trở thành không liễu, với người nhiều phiền não, làm duyên phạm tội trọng. Thà biết lời nói này là thuyết liễu nghĩa, do luật tự giải thích có bốn Bí-sô:

1. Bí-sô danh tướng.
2. Bí-sô tự xưng.
3. Bí-sô khát cái.
4. Bí-sô phá giới.

Trong nghĩa này nói không phải Bí-sô, nghĩa là không phải Bí-sô bạch tứ yết ma, thọ giới cụ túc. Không phải Bí-sô này trước kia là Thắng nghĩa, về sau, do phạm tội trọng thành không phải Bí-sô, nên biết lời nói này là thuyết liễu nghĩa.

Há chỉ Bí-sô bạch tứ yết ma, thọ giới cụ túc, có phạm tội trọng, không phải do ba quy, ba thuyết, Bí-sô thọ cụ giới cũng phạm tội trọng, đâu có lý nào ngăn dứt Bí-sô do ba quy được giới khiến không phạm tội trọng trở thành không phải Bí-sô?

Nếu thừa nhận lời nói này là thuyết liễu nghĩa, người chỉ bạch tứ yết ma, thọ giới cụ túc, nếu có phạm tội trọng thành không phải Bí-sô, do Bí-sô này, đối với sinh Thánh pháp, không có tác dụng Bí-sô, gọi là không phải Bí-sô, không phải xả luật nghi, mất hiệu Bí-sô, nên người luận rộng, nói phán quyết này: Căn cứ ở Bí-sô Thắng nghĩa, mật ý nói như thế. Đây là thuyết khéo. Do người phạm trọng, không có sinh Thánh đạo, tác dụng của Bí-sô, nên không phải do chấp lời này là lời nói liễu nghĩa, mà có thể ngăn dứt ý thú phán quyết của tông ta.

Nếu khác với đây, còn có duyên nào đồng phạm Thi-la hay không?

Ở giữa sẽ có mất giới, không mất, giới Bí-sô không phải Bí-sô, nên lìa tông Đối pháp, không khiến sinh hủy. Về lý, mặc dù tạo ra sự chê bai cùng với người nhiều phiền não, là duyên phạm tội trọng. Nhưng

xem xét tường tận xem ai là người rất hay làm duyên phạm tội trọng, nói lên lời này: Mặc dù phạm một giới, nhưng vẫn có giới khác, nên kẻ siêng năng bảo vệ vì nói lên lời này: Đã phạm một giới, giới khác đều mất. Người mặc tình tạo ác, không phải luận giả Đối pháp. Lời nói phán quyết này ít chướng ngại cho quả ái giải thoát sinh lên cõi trời.

Tuy nhiên, chỉ biểu thị dẫn đường, khiến Bí-sô kia tu nhân, sao lại chê bai nói khuyên người khác phạm tội trọng, nghĩa là ta chỉ nói lời răn dạy như thế này: Khi phạm một giới, giới khác không xả, đối với giới khác, chuyên tinh hộ trì. Như thế, thật sự gọi là ngăn dứt người khác phạm tội trọng. Ông nói phạm một, thì xả tức khắc tất cả.

Há chuyên làm duyên phạm tội trọng, nên duyên tạo tội là ở ông không phải ta. Dù nói như thế nhưng không phải Bí-sô này trước kia là Thắng nghĩa, về sau, do phạm trọng, trở thành không phải Bí-sô.

Lời nói này thô cạn, dù trước kia chưa chứng, nhưng có công năng đối với sẽ chứng. Nếu về sau không có công năng, cũng gọi là mất, như Khế kinh nói: Quán thế gian này và trời Phóng Dật, lùi mất Thánh tuệ.

Lại, trước đã nói. Trước nói là sao? Nghĩa là Bí-sô kia không bao giờ còn là pháp khí của công đức xuất thế. Đối với thắng nghĩa mà nói, không phải Bí-sô, đâu thể biết Đại sư có mật ý này. Do trong đây nói Bí-sô kia không phải Sa-môn, ở chỗ khác lại nói: Sa-môn có bốn, lại không có thứ năm, nên biết được ở đây, chỉ căn cứ thắng nghĩa nói không phải Bí-sô. Do Bồ-đặc-già-la kia gọi là Sa-môn ô đạo, nên không phải Bí-sô kia trước chứng đạo, sau nhiễm ô làm sao thành?

Kinh chủ giải thích: Dù có thuyết này, nhưng Bí-sô kia chỉ vì có tướng mạo Sa-môn khác, nên gọi Sa-môn, như gỗ bị đốt, giả mạo chim Anh vũ, ao cạn, hạt giống mục, vòng tròn lửa, người chết.

Ở đây, chỉ nói là có dẫn chứng dụ cho đều không có công năng, nên dùng các gỗ, cây ít bị lửa đốt, thế gian nói là gỗ cây bị đốt, không phải hoàn toàn thành tro, gọi là gỗ cây bị đốt. Nếu cho rằng tùy theo hai thứ đốt toàn phần, và một phần đều thừa nhận, gọi gỗ bị đốt, thì dụ và pháp, cả hai đều có do dự. Dụ đối với những điều được dụ, không chứng minh được công năng, như gọi là chấp nhận có một ít nước trong ao cạn. Nếu nước hoàn toàn không có, cũng gọi cạn hết, đồng với sự do dự trước. Về chứng cứ không có công năng, do đó, ngăn dứt người chết, hạt giống hư là cho dù cũng có một ít thứ công năng, nhưng các thế gian cũng đều nói là hạt giống mục. Hoặc dù không hư mục, nhưng vì bị hao tổn công năng, nên không nảy mầm nữa cũng gọi hạt giống mục, có

đồng với pháp chết, cũng gọi người chết, nên trong Khế kinh nói buông lung, nghĩa là thường chết, giả mổ chim anh vũ và vòng tròn lửa vây quanh, cả hai dụ này đều trái với thuyết mà Khế kinh nói: Sa-môn có bốn, lại không có năm.

Nếu chỉ hình tướng được gọi Sa-môn, thì như đời có người cần tướng mạo Sa-môn, giả vờ bày ra phương tiện làm hình dáng Sa-môn, nên gọi Sa-môn nói là thứ năm, không phải mổ giả kia và vòng tròn lửa quay, có thể được gọi là mổ, vòng tròn. Tướng mạo khác không phải mổ, vòng tròn thật làm cái cũ trước kia. Như thế nên có phi Sa-môn trước làm hình dáng Sa-môn, lập làm thứ năm. Nhưng Đức Phật nói bốn, không nói thứ năm.

Vì ngăn dứt tướng như thế, vì lối chấp của Sa-môn, nên dẫn các dụ đều không chứng minh được công năng. Lại, Kinh chủ đầu biết ý nói như thế của Phật, là lấy chỗ khác để nói. Không gọi Bí-sô, không gọi Sa-môn, không phải Thích tử v.v.... Há Phật không thường khuyên hãy nên xem xét tâm tư, đầu tùy theo ở một văn, ấy là vì cố chấp. Lại, như trước đã nói. Trước đã nói là sao?

Nghĩa là Sa-môn này vì gọi ô đạo, nên biết ở đây, chỉ căn cứ ở Thắng nghĩa. Bí-sô, mật ý nói là không phải Bí-sô v.v... nên không phải liên xả tất cả luật nghi, tên gọi không phải Bí-sô lý đó cực thành lập. Không phải ở đây chỉ vì có tướng mạo Sa-môn khác, nên gọi Sa-môn như gỗ bị đốt, mổ chim anh vũ v.v... về mặt lý, có thể thành lập, vì Đức Thế Tôn nói người kia phải gọi là Bí-sô phạm giới, Bí-sô ác. Nếu Bí-sô kia xả tức khắc tất cả luật nghi, thì chỉ gọi là không có Thi-la v.v... đâu nêu lên Bí-sô ác, phạm giới?

Trong đây, Thượng tọa bộ hỏi vặn như thế này: Nếu nói không có thì không có Thi-la nào? Vì tên Thi-la, cũng được gọi là giới thiện, ác quán tập. Người ngoài cũng thấy có người nói Thi-la ác, Thi-la thiện này, nói như thế, thì lý nào trái nhau?

Thượng tọa bộ kia rất nên hỏi: “Không có Thi-la”, vì tất cả có Thi-la quán tập. Nhưng nói người kia vì không có Thi-la, thì được biết người kia thiếu Thi-la tịnh giới, nên Thượng tọa bộ vặn hỏi, không có lý thú sâu xa.

Kinh chủ ở đây, tự hỏi đáp rằng: Nếu người phạm tội trọng thì không phải Bí-sô, tức không có truyền trao học Bí-sô, không nói là người phạm tội trọng đều trở thành tội hơn người khác, chỉ trở thành tội hơn người khác, nhất định nói là không phải Bí-sô.

Các sư Đối pháp há nên nói: Kinh bộ nhất định là người rất hung

ác. Hung ác là sao? Nghĩa là nói rằng: Người có phạm tội trọng không phải trở thành hơn người khác, vì Đức Thế Tôn nói: Người phạm bốn tội trọng, không gọi Bí-sô, cho đến nói rộng. Nếu cho rằng Bí-sô kia vì trụ tâm che giấu nên Phật nói không phải Bí-sô thì duyên gì không chấp nhận Bí-sô phạm giới trọng không có khả năng thù thắng của Bí-sô.

Nói: Không phải Bí-sô v.v... không phải do xả liền tất cả luật nghi. Các sư trung quốc không nói rằng: Các người phạm trọng, không phải phi Bí-sô, chỉ nói thế này: Có giới khác vốn ở tất cả luật nghi đã thọ được, không phải khi phạm một, thì luật nghi còn lại bèn xả ngay, như tông ông nói được bất luật nghi.

Kinh chủ trong đây, muốn dứt trừ chánh lý, nói là kia nói, không phải phạm một bên, tất cả luật nghi nên xả khắp, người kia nói, ấy là gạn hỏi Đại sư. Trong đây, Đại sư lập ra dụ: Như cây Đa-la, nếu bị chặt đứt ngọn, tất nhiên nói không còn lớn lên được nữa.

Ý dụ này biểu thị: Khi phạm một trọng, thì giới khác sẽ không thể lớn lên rộng lớn. Gốc giới đã bị chặt đứt, về lý là xả khắp. Thuyết kia đối với ý dụ, không phải có thể khéo giải thích, vì:

Thí dụ này chỉ ngăn cản sự lớn lên khác. Nếu khác với đây, thí dụ sẽ không thành. Nhưng ta nhận thấy một cách rõ ràng về ý của dụ ấy, nghĩa là học xứ khác cành, lá của cây kia, dù vượt lên nhưng có thể được luật nghi khác. Bốn giới trọng như đầu ngọn cây nếu phạm bất cứ một giới nào thì không được lại luật nghi khác. Do đó, nhất định không nhập Kiến đạo v.v... nên Khế kinh nói: Nương tựa ở Thi-la, mới có thể tiến tu chỉ quán thù thắng. Nếu khác với đây, thì việc giải thích dụ sẽ không thành.

Vả lại, tông ông, học xứ bốn trọng là chung, như ngọn một cây Đa-la, hay đầu một cây, dụ một học xứ, nếu bốn học xứ dụ chung một đầu, lẽ ra khi phạm một, không phải xả tất cả. Thấy chặt phần ít đầu cây Đa-la, phần khác không có ngăn ngại, vì cũng lớn lên. Nếu một học xứ, như đầu một cây, cũng như khi phạm một, không phải xả tất cả, vì thấy chặt đứt một đầu cây Đa-la, đầu khác không có trở ngại, vì cũng lớn lên, như trước đã nói. Trước nói là sao?

Nghĩa là ở trong đây có lý thú gì? Hễ phạm bất cứ giới trọng nào thì một, xả ngay luật nghi, không phải bảo vệ. Ba luật nghi còn lại, không xả tất cả. Như ngọn cây Đa-la chặt một, phần khác vẫn sống.

Đã thấy đỉnh cây Đa-la thế gian, dù chặt đứt một phần, phần khác cũng mọc bốn giới trọng đều như đỉnh cây Đa-la, nên biết phạm một, không có gây tổn hại ba phần còn lại. Lại, một đầu các cây Đa-la bị

chặt đứt một, không lớn lên, cây khác thì không như vậy. Ông chấp Thi-la một nối tiếp nhau đoạn, thì vì phần khác cũng đoạn, nên dụ không thành. Do đó, cũng ngăn đứt Thượng tọa bộ lập dụ.

Thuyết kia nói: Như đại thọ, đủ rễ, cọng cành, lá, nếu rễ bị chặt đứt, thì toàn thể cây đều khô héo.

Như thế, căn giới nếu phạm bất cứ một giới nào, thì hủy hoại ngay tất cả luật nghi, ai ở đây nói luật nghi khác không bị hủy hoại?

Đã nói phạm một, luật nghi còn lại sẽ không có công năng vượt hơn, nghĩa là, không có khả năng nhập Kiến đạo v.v... Nhưng căn cứ dụ kia, thì không phải mất luật nghi, vì thấy ở thế gian hoặc có một cây bốn rễ đều bình đẳng, ăn sâu vào đất rất chắc, không phải khi chặt đứt một rễ, tất cả cây đều chết khô, chỉ gây tổn hại một phần, giới cũng nên như thế.

Căn cứ ở cây riêng để giải thích, dựa theo trước nên nói, vì thế, Thượng tọa bộ lập dụ, đối với chứng không có công năng.

Kinh chủ trong đây, lại nói rằng: Nỗi khổ vô nghĩa này là gì? Nếu người như thế, cũng có tánh Bí-sô, nên tự quy lễ. Bí-sô của loại như thế, lời nói này là vì khinh thường sự điều phục của Phật, vì Đức Phật nói người kia cũng là Sa-môn, dù được gọi ô đạo, mà vẫn có Thi-la.

Kinh chủ trong đây, nên nói rằng: Vì cứu khổ nào vô nghĩa ở đây? Nếu người như thế, cũng có tánh Sa-môn, nên tự quy lễ.

Loại Sa-môn như thế, Sa-môn của tướng khác, như trước kia đã phá: không phải Bí-sô v.v... cũng đã giải thích, do lý này thành, biểu thị thuyết đã dẫn các Thánh giáo khác làm chứng không có công năng.

Lại, Kinh chủ kia không có khả năng nói một chút nào về chánh lý, chứng minh chỉ phạm một, bèn xả tất cả. Lại, đối với vô nghĩa, luống gây nên sự tìm tòi, gạn hỏi. Thật sự có luật nghi, mà gương nói đã xả. Khuyên người đã phạm, buông lung tạo ác. Há gọi vâng giữ pháp, lợi lạc hữu tình! Nếu người phạm trọng, có giới khác tồn tại, thì vì sao đuổi Bí-sô ra ngoài chúng? Đâu dùng người không có thể dụng như thế? Ở trong chúng thanh tịnh, đuổi nhanh càng tốt!

Nếu do phạm trọng, nên xả luật nghi, như khi hai hình sinh, có thể xả, vì tánh trái nhau, như bóng tối và ánh sáng.

Người không phạm luật nghi, nên chấp nhận thọ lại, chẳng phải không có hổ thẹn, chướng ngại hẳn Thi-la. Chớ bỏ người kia không được thọ giới, nên biết tội nặng, được cho giới, do Thi-la ô nhiễm không cho pháp thọ lại. Vì không có tác dụng thù thắng, nên phải đuổi ra khỏi chúng.

Thượng tọa bộ ở đây lại có mới nhiều vì lý giáo trước đã đều ngăn dứt, sợ văn nhiều rộng không chỉ trích riêng. Nhưng Thượng tọa bộ tâm phiền não cố chấp trói buộc, ở trong luận mình, soạn văn, làm tụng, nói lời thô ác, chê bai, phỉ báng Thánh Hiền, vô cố tự hại, thật đáng thương xót. Hoặc nghiệp của chúng Thánh nước ta đã dứt trừ, chế đặt các pháp để nói dựa vào chân lý giáo, mà kẻ hung dữ kia chê bai pháp, hủy hoại người, đã gây ra tội lỗi quá sâu nặng, sẽ phải chiêu cảm nỗi khổ dữ dội. Ta há đối với người kia lại nông nổi trả lời. Chỉ mong vị lai điều ác kia sẽ không có báo. Hai luật nghi tính lự vô lậu v.v... sẽ xả ra sao? Tụng nói:

Xả định sinh pháp thiện

Do đối địa lùi lại

Xả Thánh, do được quả

Luyện căn và lùi mất.

Luận nói: Các pháp thiện lệ thuộc địa tính lự, do hai duyên xả:

1. Do đối địa, nghĩa là sinh trên, dưới.

2. Do lùi lại mất, nghĩa là lùi lại, xả chúng phần đồng.

Và khi lìa nhiễm cũng xả. Noãn v.v... và định của phần thoái, vì thâm nhiếp ở đây, cho nên lại nói là đẳng (v.v...). Kinh chủ giải thích trong đây nên thêm lìa nhiễm. Như xả thiện cõi Sắc, do đối địa, thoái lui và lìa nhiễm, ba Vô sắc cũng thế. Xả thiện vô lậu, do ba thứ duyên:

1. Do được quả, xả chung đạo trước.

2. Do luyện căn, xả đạo của độn căn.

3. Do lùi lại mất, xả các đạo vượt hơn.

Đạo này, hoặc là quả, hoặc thuộc về quả vượt hơn.

Kinh chủ ở đây, nên nói hai duyên: Dùng đắc quả để nói, thâm nhiếp rèn luyện căn để nói, nghĩa là địa vị luyện căn, tất nhiên lại được quả, vì đạo quả vượt hơn xả bỏ quả chậm lụt. Ta ở đây nên phân biệt một chút, nếu xả Kiến đạo và Đạo Loại trí, thì sẽ biết chỉ do đắc quả, không phải thoái lui.

Nếu pháp Bất động, Vô học, đều không còn pháp vô lậu khác, chấp nhận đủ hai thứ.

Như thế, đã nói xả các luật nghi, bất luật nghi xả thế nào? Tụng nói:

Xả giới ác do chết

Được giới, hai hình sanh.

Luận nói: Các bất luật nghi do ba duyên xả:

1. Do chết nên xả, vì là chỗ nương tựa.

2. Do được giới. Nghĩa là nếu thọ được luật nghi biệt giải, hoặc do đạt được tính lự luật nghi, giới ác bèn xả. Sức đối trị vượt hơn, xả bất luật nghi.

3. Do hai hình nối tiếp nhau cùng khởi, vì vào lúc ấy, biến đổi đối tượng nương tựa, nên người ở giới ác, dù hoặc có lúc do ý thiện, ưa xả dao, lưới v.v... Nếu không được luật nghi, thì sau cùng sẽ không xả giới ác. Hiện thấy dù tránh khỏi các duyên phát bệnh, không uống thuốc hay, thì chung quy bệnh khó lành.

Người bất luật nghi, thọ giới Cận trụ, đến đêm hết, khi vị xả luật nghi, vì được bất luật nghi hay gọi là ở giữa (phi luật nghi, phi bất luật nghi)?

Có sư khác nói: Được A-thế-da ác bất luật nghi, không phải xả hẳn, như sắt nóng dừng lại, màu đỏ diệt, màu xanh sinh.

Có sư khác nói: Nếu không còn tạo tác, không có duyên, khiến người kia được bất luật nghi, vì bất luật nghi dựa vào biểu được, nên thuyết trước nói hợp lý, vì trước khi thọ giới, A-thế-da ác không phải xả hẳn, nên dựa vào giới ác của nghiệp biểu trước kia, lại khởi. Vô biểu ở giữa xả, lại thế nào? Tụng nói:

Xả giữa do thế thọ

Làm việc, căn thọ đoạn.

Luận nói: Vô biểu ở giữa xả do sáu duyên:

1. Vì thọ, tâm đoạn hoại, nên xả. Nghĩa là trước đã thế thọ luôn kính lễ chế-đạ (tháp) ở thời gian nào đó và khen ngợi tụng v.v... Nay, có cảm nghĩ rằng: Về sau không làm nữa. A-thế-da của người kia từ đây bèn thôi dứt, do bỏ ý ưa thích trước. Hoặc lại tác động riêng thể dụng tăng mạnh, trái với hiện hành trước kia, sự nghiệp ý ưa thích lúc xưa dứt, vô biểu, bèn đoạn.

2. Vì thế lực đoạn hoại, nên xả. Nghĩa là do thế lực tín tịnh, phiền não dẫn dắt vô biểu, hai thế lực có hạn kia, nếu khi đoạn hoại, vô biểu bèn xả. Như buồng mũi tên và bánh xe của nhà làm đồ gốm. Cho nên, các sư quý phạm tạo nói như thế này: Vì sức cùng khởi đã dẫn phát, dù xả gia hạnh và A-thế-da vô biểu. Hoặc chấp nhận suốt đời tùy chuyển, cho đến phát khởi triển, rất mạnh mẽ, nhạy bén, Đánh đập cầm thú, nên biết cũng thế.

Hoặc trước kia đã lập kỳ hạn ngang với thời gian ấy. Nay, thế lực kỳ hạn đã quá, vô biểu bèn dứt.

3. Do tác nghiệp đoạn hoại, nên xả. Nghĩa là dù không xả tâm thọ căn bản, nhưng lại không bị thọ tác nghiệp, chỉ trừ người quên nhớ

ngĩ mà không tạo tác, do kỳ hạn vô biểu này, gia hạnh sinh. Khi dứt gia hạnh, vô biểu bèn xả.

4. Vì sự vật đoạn hoại, nên xả. Nghĩa là xả đối với các vật thí như tháp, vườn, rừng và các việc như đặt lưới săn thú v.v... Xưa do các sự kia dẫn vô biểu sinh. Khi sự kia đã hoại, vô biểu bèn xả.

5. Vì thọ mạng chấm dứt, nên xả. Nghĩa là chỗ y chỉ có chuyển đời.

6. Do căn nương tựa đoạn hoại nên xả. Nghĩa là khi khởi gia hạnh dứt trừ thiện, ác, đều xả vô biểu được dẫn do các căn kia, không phải đến lúc đoạn thiện, được tính lự mới xả. Vô biểu thiện, ác ở giữa vì yếu kém nên khi khởi gia hạnh liền xả.

Vô biểu thiện, ác ở giữa như thế nào?

Trong nghĩa này, Kinh chủ nói duyên thứ sáu, gọi là đoạn thiện. Nếu nói rằng, thì gia hạnh đoạn thiện cũng được gọi đoạn thiện, làm duyên thứ sáu, tức là nên nói gia hạnh tính lự cũng được gọi tính lự, bèn thành bảy duyên, vì xả vô biểu ác trong gia hạnh tính lự. Nên nói căn, nghĩa là có cả thiện căn, ác.

Đã nói lời nói đoạn là đoạn gia hạnh, do dựa vào căn đoạn, làm duyên thứ sáu.

Cách giải thích văn tụng này, về lý không sai.

Thiện không phải sắc ở cõi Dục và tất cả, pháp nhiệm không phải sắc khác, xả lại thế nào? Tụng nói:

Xả dục thiện không sắc

Do căn đoạn, sinh trên

Do đạo đối trị sinh

Xả các nhiệm phi sắc.

Luận nói: Tất cả pháp thiện không phải sắc của cõi Dục xả do hai duyên:

1. Dứt thiện căn.

2. Sinh cõi trên.

Nên nói phần ít, cũng lìa nhiệm, xả, như pháp thiện không phải sắc của ưu căn v.v.

Tất cả pháp nhiệm không phải sắc của ba cõi, xả do một duyên, nghĩa là khởi đạo đối trị, nếu đạo năng đoạn của phẩm loại này sinh, thì sẽ xả hoặc và giúp đỡ trong phẩm này. Hữu tình nào có luật nghi thiện, ác? Tụng nói:

Người giới ác, trừ Bắc.

Hai huỳnh môn, hai hình

*Luật nghi cũng ở trời
Chỉ người đủ ba thứ
Sinh trời Dục, cõi Sắc
Có tinh lự luật nghi
Vô lậu và Vô sắc
Trừ trung, định vô tướng.*

Luận nói: Chỉ ở cõi người có bất luật nghi, nhưng trừ châu Bắc, chỉ có ba châu kia có. Trong ba châu, lại trừ Phiến đê và Bán, trạch ca, người đủ hai hình. Luật nghi cũng như thế, nghĩa là ở trong người, trừ chỗ trước đã trừ, bao gồm trời cũng có. Ở hai đường (nhân, thiên), chấp nhận có luật nghi.

Lại, làm sao biết Phiến đê v.v... tất cả nối tiếp nhau không có luật nghi.

Căn cứ trong kinh, luật vì có chứng thành, nghĩa là Khế kinh nói: Phật bảo Đại Danh! Có các người nam bạch y tại gia, nam căn thành tựu, cho đến nói rộng.

Trong Tỳ-nại-da cũng nói rằng: Ông phải trừ bỏ con người của loại sắc này. Nên biết được luật nghi không phải loại người ấy có.

Hỏi: Lại, vì sao loại người đó không có luật nghi?

Đáp: Do hai chỗ nương tựa, dẫn khởi phiền não, vì ở một nối tiếp nhau, đều có tăng thượng, vì đối với chánh tư duy, lựa chọn, không có khả năng. Khi thọ khởi hành vi tham dục nối tiếp nhau, không có khả năng chế phục, dứt trừ nên họ không phải là khí loại được giới. Lại, phải có sự hổ thẹn mạnh mẽ, nhạy bén hiện ở trước, mới có khả năng làm chỗ dựa cho giới, loại người kia vì không có, nên không phải chỗ dựa của luật nghi.

Hỏi: Nếu vậy, vì sao họ không có giới ác?

Đáp: Vì ở tánh A-thế-da (ý lạc) nối tiếp nhau của họ quá yếu kém, nên không trụ bền chắc, nghĩa là Phiến đê v.v... ái dâm thường hiện hành không có đạo đối trị điều phục, trừ bỏ tạm thời không phải đối với người thường khởi ái mạnh mẽ, nhạy bén, có công năng đối với hữu tình khởi lên ý ưa thích việc hung ác mạnh mẽ, nhạy bén, khiến chúng biểu hiện ở trước. Nếu tạm thời có thể sinh nhưng cũng không được trụ vững chắc. Vì thân không có khả năng, nên tâm cũng không có khả năng, do đó, thân của loại kia cũng không có giới ác, tức do lý này, A-thế-da thiện ở trong thân họ, kém cõi, không trụ vững chắc. Phải có tâm ác trụ vững chắc, mạnh mẽ, thì mới có giới ác, và có trụ tâm thiện vững chắc mạnh mẽ, mới có giới thiện. Vì họ đều cùng thiếu, nên cả

hai giới đều cùng không có. Nhưng hai hình sinh, xả hai nương tựa của giới thiện, ác, vì tham dục rất tăng thượng, nên không phải thành Phiến đê v.v... Xả luật nghi thiện, ác, vì khởi hai nương tựa tham không phải rất nặng.

Do lý như thế, đã giải thích hai A-thế-da (ý lạc) của châu Bắc không phải mạnh mẽ, nhạy bén. Lại, vì không thuận khởi Tam-ma-địa, nên thân họ không có luật nghi thiện, ác. Các đường ác không có khả năng hiểu biết lý tà chánh. Lại, không phải đối tượng nương tựa của sự hổ thẹn mạnh mẽ, phải ở tương ưng này và tổn hoại, mới có được luật nghi thiện, ác, nên trong đường ác không có giới thiện, ác.

Lại, phiến đê v.v... như muối, vì ruộng mặn, nên không thể sinh giới thiện, giới ác. Thế gian hiện thấy các thửa ruộng muối mặn, không thể thấm nhuần, nảy mầm lúa tốt tươi hay cỏ dại.

Nếu vậy. Vì sao trong Khế kinh nói: Có trứng đẻ ra rồng, thường vào ngày mồng tám mỗi nửa tháng, nó từ cung xuất hiện đến nhân gian, để cầu thọ tám chi trai, giới Cận trụ.

Vì rồng này được hạnh diệu, chớ không phải được luật nghi. Cho nên, luật nghi chỉ có ở người, trời. Tuy nhiên, chỉ con người có đủ ba thứ luật nghi, đó là Biệt giải thoát, tĩnh lự, vô lậu. Nếu sinh lên các tầng trời cõi Dục và cõi Sắc đều chấp nhận được có luật nghi tĩnh lự, nhưng trời vô tướng chỉ chấp nhận thành tựu. Sinh cõi Vô sắc, trời kia đều cùng không phải có luật nghi vô lậu, cũng ở Vô sắc, nghĩa là nếu sinh ở các tầng trời cõi Dục và sinh trong cõi Sắc, trừ định trung gian Vô Tướng, đều chấp nhận được có luật nghi vô lậu, sinh ở Vô sắc chỉ được thành tựu, vì Vô sắc, tất nhiên không hiện khởi, sinh lên vô lậu cõi được thành tựu cõi dưới.

